

Đ, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 328, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: 70 P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông H uỷ quyền cho ông Trương T tham gia tố tụng.

- Bị đơn: Bà Trần N, sinh năm 1985; Ông Cái V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 21 P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng T. Có ông T đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 671 Q, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Hoàng H và vợ chồng ông Cái V, bà Trần N đồng ý huỷ hợp đồng đặt cọc được công chứng tại văn phòng công chứng T ngày 15/3/2021 số công chứng 1988, quyển 01TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên đặt cọc ông Hoàng H, bên nhận đặt cọc vợ chồng ông Cái V, bà Trần N.

Vợ chồng ông Cái V, bà Trần N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hoàng H số tiền đặt cọc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền phạt cọc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Tổng cộng là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Vợ chồng ông Cái V, bà Trần N nhận chịu 40.300.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Hoàng H số tiền tạm ứng án phí 21.300.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003629 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Quốc Bảo